

Bản án số: 144/2017/HSST

Ngày: 29/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Hiền;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Xệt;
2. Bà Lê Thị Hồng Gấm.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Bá Trung, Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 9 năm 2017; tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 132/2017/HSST ngày 13 tháng 9 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2017/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn C, sinh năm 1987 tại tỉnh Thanh Hóa; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 2, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Nhà trọ bà Nguyễn Thị D, Số 3/17, khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; nghề nghiệp: Công nhân; con ông Trần Văn C, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1959. Bị cáo có 02 anh, chị, em; lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1984; có vợ tên Trịnh Thị Đ, sinh năm 1989; có 02 người con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/4/2017 đến ngày 26/4/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Duy Ch, sinh năm 1988 tại tỉnh Thanh Hóa; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 2, xã V, huyện V, Thanh Hóa; tạm trú: Khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; nghề nghiệp: Công nhân; con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1960 và bà Trịnh Thị C, sinh năm 1962. Bị cáo có 02 chị gái, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1986; có vợ tên Trịnh Thị Tr, sinh năm 1991; có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/4/2017 đến ngày 26/4/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

3. Trịnh Văn T, sinh năm 1986 tại tỉnh Thanh Hóa; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 2, xã V, huyện V, Thanh Hóa; tạm trú: Khu phố B, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; nghề nghiệp: Công nhân; con ông Trịnh Bá P, sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1952 (đã chết). Bị cáo có 07 anh, chị, em, người lớn nhất sinh năm 1977, người nhỏ nhất sinh năm 1994; có vợ tên Trịnh Thị Q, sinh năm 1989; có 01 người con, sinh năm 2011. Tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/4/2017 đến ngày 26/4/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

4. Trần Văn Th, sinh năm 1989 tại tỉnh Thanh Hóa; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 1, xã V, huyện V, Thanh Hóa; tạm trú: Ấp 8, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: Lớp 11/12; nghề nghiệp: Công nhân; con ông Trần Văn X (đã chết) và bà Trịnh Thị K, sinh năm 1958. Bị cáo có 04 anh, chị, em, lớn nhất sinh năm 1976, nhỏ nhất sinh năm 1993; chưa vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/4/2017 đến ngày 26/4/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

5. Nguyễn Văn T1, sinh năm 1991 tại tỉnh Thanh Hóa; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 1, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Nhà trọ ông Nguyễn Hữu P, Tổ 4, khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; nghề nghiệp: Công nhân; con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970. Bị cáo có 01 người anh sinh năm 1990; chưa vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/4/2017 đến ngày 26/4/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

6. Trịnh Huy T2, sinh năm 1983 tại tỉnh Thanh Hóa; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 1, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Khu phố L, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Công nhân; con ông Trịnh Huy K, sinh năm 1953 và bà Trịnh Thị Ân, sinh năm 1954. Bị cáo có 03 anh, chị, em, lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1981; có vợ tên Phạm Thị Đ, sinh năm 1983; có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/4/2017 đến ngày 26/4/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

7. Trịnh Văn T3, sinh năm 1976 tại tỉnh Thanh Hóa; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 2, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Khu phố L, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: Lớp 5/12; nghề nghiệp: Công nhân; con ông Trịnh Đình T, sinh năm: 1950 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1953. Bị cáo có 03 anh, em; lớn nhất sinh năm 1973, nhỏ nhất sinh năm 1988; có vợ tên Lê Thị T, sinh năm 1978; có 02 người con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2007. Tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/4/2017 đến ngày 26/4/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1985; nơi thường trú: Thôn 1, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

2. Ông **Trang Phước T4**, sinh năm 1970; nơi thường trú: Số nhà 92/2, Khu phố 2, phường Đ, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Bà **Trịnh Thị Tr**, sinh năm 1991; nơi thường trú: Thôn 2, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Tổ 3, khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn C, Nguyễn Duy Ch, Trịnh Văn T, Trần Văn Th, Nguyễn Văn T1, Trịnh Huy T2, Trịnh Văn T3 và Nguyễn Văn S cùng quê xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa nên quen biết với nhau.

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 16/4/2017, Trần Văn Th điều khiển xe mô tô biển số 54Y1-0566 của Th đến quán cà phê “Thanh Trúc” thuộc khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương để uống nước. Tại đây, Th gặp Nguyễn Duy Ch và Th (không rõ lai lịch, địa chỉ). Sau đó, Th rủ Th, Ch đi bộ đến quán cây Hà Nội bên cạnh quán cà phê Thanh Trúc để uống rượu. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, Trần Văn C đi bộ từ nhà trọ đến quán “Thanh Trúc” để uống nước và xem bóng đá. Cùng thời điểm này, Th, Ch và Th không uống rượu nữa, Th đi về nhà còn Th, Ch quay lại quán cà phê “Thanh Trúc” thì gặp C. Do quen biết nên C rủ Th cùng chơi lắc bầu cua trên điện thoại di động được thua bằng tiền, Th đồng ý. Sau đó, C lấy trong người ra 01 điện thoại di động hiệu iPhone 6 Plus có cài sẵn chương trình trò chơi lắc bầu cua để C và Th cùng chơi. Lúc này, C làm cái (người bấm vào trò chơi lắc bầu cua trên điện thoại di động iPhone 6 Plus có 06 hình vật: Trái bầu, con cua, con tôm, con cá, con hươu, con gà) cho Th đặt tiền cược với số tiền từ 20.000 đồng đến 50.000 đồng. Thấy vậy, Ch cùng tham gia đặt cược 20.000 đồng và bị thua nên Ch không chơi nữa mà bỏ đi sang nhà bạn chơi. Sau khi C và Th chơi được 05 ván thì Nguyễn Văn S đang nằm võng xem đá banh trên tivi trong quán cà phê “Thanh Trúc” nhìn thấy nên vào tham gia đặt tiền cược với số tiền là 20.000 đồng. S tham gia 02 ván bài thì hết tiền nên ngưng chơi và đi ra nằm võng tiếp tục xem đá banh. Khoảng 15 phút sau, có thêm 02 người thanh niên (không rõ nhân thân, địa chỉ) đang uống cà phê tại quán cà phê “Thanh Trúc” cũng vào tham gia đặt tiền cược chơi lắc bầu cua từ trò chơi trên điện thoại di động do C đang làm cái. Hai người thanh niên trên chơi được khoảng 02 đến 03 ván thì ngưng chơi không rõ thắng thua như thế nào, sau đó đi đâu không rõ. Lúc này, Trịnh Huy T2 cùng với Trịnh Văn T3 đi đến quán cà phê “Thanh Trúc” bằng xe taxi để thăm người thân tên Trịnh Thị Tr là chủ quán cà phê “Thanh Trúc”. Tại đây, T2, T thì nhìn thấy C, Th đang chơi lắc bầu cua từ trò chơi trên điện thoại di động được thua bằng tiền nên hỏi C cho tham gia thì C đồng ý. T2, T cùng vào tham gia đặt tiền cược còn C làm cái, mỗi ván đặt tiền cược với số tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng. T2, T chơi được khoảng 05 đến 06 ván thì thua hết tiền thì ngưng chơi và đi ra võng nằm xem đá banh trên tivi, còn C và Th vẫn tiếp tục chơi.

Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn T1 đi đến quán cà phê “Thanh Trúc” để uống nước xem đá banh trên tivi. Nhìn thấy C và Th đang chơi lắc bầu cua từ trò chơi trên điện thoại di động được thua bằng tiền nên T1 cùng tham gia chơi và đặt tiền cược với số tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng do C làm cái. Chơi được khoảng 15 phút thì T1 nói với C cho T1 làm cái thì C đồng ý, T1 làm cái cho C và Th đặt tiền cược. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, Trịnh Văn T3 đi bộ đến quán cà phê “Thanh Trúc” để uống cà phê và xem bóng đá thì nhìn thấy T1, C và Th đang chơi lắc bầu cua từ trò chơi

trên điện thoại di động được thua bằng tiền nên T đến gặp Chấn mượn 500.000 đồng để cùng tham gia chơi lắc bầu cua được thua bằng tiền cùng mọi người thì Chấn đồng ý nhưng chỉ cho T mượn 200.000 đồng. Sau khi mượn được tiền, T tham gia đặt tiền cược chơi lắc bầu cua từ trò chơi trên điện thoại di động do T1 làm cái. Sau khi T1 làm cái được khoảng 10 phút thì Ch đi đến gặp C hỏi mượn số tiền 2.000.000 đồng để chơi lắc bầu cua từ trò chơi trên điện thoại được thua bằng tiền cùng với mọi người thì C đồng ý và đưa 2.000.000 đồng cho Ch mượn. Sau khi mượn được tiền, Ch tham gia đặt tiền cược chơi lắc bầu cua từ trò chơi trên điện thoại di động cùng với mọi người do T1 làm cái, còn C thì tham gia đặt cược thêm khoảng từ 03 đến 04 ván thì ngưng chơi và đi ra vòng nằm xem đá banh trên tivi còn T1, Th, T và Ch tiếp tục chơi. Trong lúc đang chơi, T tiếp tục hỏi mượn Ch 300.000 đồng để đặt cược thì được Ch đồng ý và đưa T 300.000 đồng. Sau đó, T tiếp tục dùng số tiền này đặt cược cùng T1, Th và Ch. Khoảng 15 phút sau, C tiếp tục quay lại chơi lắc bầu cua từ trò chơi trên điện thoại di động được thua bằng tiền cùng T, T1, Th và Ch, chơi được vài ván thì C ngưng chơi và đi đến vòng nằm xem đá banh còn T1, Th, Ch, T tiếp tục chơi.

Nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày, Công an phường T, thị xã T tiến hành kiểm tra thì phát hiện Th, T1, Ch, T, đang chơi lắc bầu cua từ trò chơi trên điện thoại di động được thua bằng tiền trên điện thoại Iphone 6 Plus của C nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ tại chiếu bạc: 5.200.000 đồng (*Năm triệu hai trăm nghìn đồng*) và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu trắng bạc số IMEL 352 051 074 456 341, thu giữ trên người của Th, T1, C, Ch và T gồm:

- 400.000 đồng (*Bốn trăm nghìn đồng*) và 01 (một) xe mô tô Cup 70 màu xanh biển số 54Y1- 0566 của Trần Văn Th;

- 1.603.000 đồng (*Một triệu sáu trăm lẻ ba nghìn đồng*) và 02 (hai) Giấy chứng minh nhân dân, 01 (một) Giấy phép lái xe, 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe tất cả mang tên Nguyễn Văn T1, 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu bạc, của Nguyễn Văn T1;

- 2.100.000 đồng (*Hai triệu một trăm nghìn đồng*) và 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân, 01 (một) Giấy phép lái xe và 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe tất cả mang tên Trần Văn C của Trần Văn C;

- 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Duy Ch và số tiền 670.000 đồng (*Sáu trăm bảy mươi nghìn đồng*) của Nguyễn Duy Ch;

- 01 (Một) Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn T và 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung J7 màu trắng của Nguyễn Văn T.

Qua làm việc C, Th, T1, Ch và T khai: T3, T2 và S cùng tham gia chơi lắc bầu cua từ trò chơi trên điện thoại di động được thua bằng tiền trên điện thoại Iphone 6 Plus của C và hiện đang có mặt tại quán cà phê “Thanh Trúc” nên Công an phường T tiến hành thu giữ:

- 1.040.000 đồng (*Một triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng*) và 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu xanh của Trịnh Văn T3;

- 90.000 đồng (*Chín mươi nghìn đồng*), 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân mang tên Trịnh Huy T2 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung J7 màu trắng của Trịnh Huy T2;

- 502.000 đồng (*Năm trăm lẻ hai nghìn đồng*), 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân và 01 (một) Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn S, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Gionee màu đen viền đỏ loại L800 của Nguyễn Văn S.

Công an phường T, thị xã T tiến hành lập hồ sơ ban đầu chuyển cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T thụ lý theo thẩm quyền.

Ngày 17/4/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã tiến hành bắt khẩn cấp đối với Trịnh Huy T2 và Trịnh Văn T3.

Căn cứ biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 16/4/2017 và lời khai của các bị cáo tham gia đánh bạc xác định: Tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc vào ngày 16/4/2017 tại quán cà phê “Thanh Trúc” thuộc khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương là 8.870.000 đồng (*Tám triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng*), trong đó số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 5.200.000 đồng (*Năm triệu hai trăm nghìn đồng*) và số tiền thu giữ trên người các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 3.670.000 đồng (*Ba triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Cáo trạng số 133/QĐ-KSĐT ngày 11/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Trần Văn C, Nguyễn Duy Ch, Trịnh Văn T3, Trần Văn Th, Nguyễn Văn T1, Trịnh Huy T2 và Trịnh Văn T3 phạm tội “Đánh bạc”:

+ Áp dụng Khoản 1, Khoản 3 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn C từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù; phạt bổ sung bị cáo Trần Văn C 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*);

+ Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy Ch từ 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) đến 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*);

+ Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trịnh Văn T3 từ 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) đến 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*);

+ Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn Th từ 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) đến 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*);

+ Áp dụng Khoản 1, Khoản 3 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 từ 03 (Ba) đến 06 (Sáu) tháng tù; phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn T1 số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*);

+ Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trịnh Huy T2 từ 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) đến 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*);

+ Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trịnh Văn T3 từ 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) đến 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*).

- Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 41, 42 Bộ luật Hình sự và Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền 8.870.000 đồng (*Tám triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng*) và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu trắng, số IMEI 352 051 074 456 341;

+ Trả lại cho các bị cáo các vật chứng sau:

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T1: 01 giấy chứng minh nhân dân không rõ số mang tên Nguyễn Văn T1; 01 giấy chứng minh nhân dân số 173204322 mang tên Nguyễn Văn T1; 01 Giấy phép lái xe số 790148012635 của Nguyễn Văn T1; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 36B2-291.50 của Nguyễn Văn T1; 01 điện thoại di động có ghi chữ iPhone S màu bạc, model A1688, không có số imei và số tiền 1.603.000 đồng (*Một triệu sáu trăm lẻ ba nghìn đồng*).

Trả lại cho bị cáo Trịnh Văn T: 01 Giấy chứng minh nhân dân số 172837089 mang tên Trịnh Văn T; 01 điện thoại di động hiệu SamSung J7 màu trắng, số IMEI 355228/08/375901/7;

Trả lại cho bị cáo Trịnh Huy T2: 01 Giấy chứng minh nhân dân số 172297049 mang tên Trịnh Huy T2; 01 điện thoại di động hiệu SamSung J7 màu trắng, số IMEI 355228/08/348951/6 và số tiền 90.000 đồng (*Chín mươi nghìn đồng*).

Trả lại cho bị cáo Trịnh Văn T3 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu xanh, số IMEI 351867/07/413275/1 và số tiền 1.040.000 đồng (*Một triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Trả lại cho ông Nguyễn Văn S 01 điện thoại di động hiệu GIONEE L800 màu đen viền đỏ, không rõ số IMEI và số tiền 2.000 đồng (*Hai nghìn đồng*).

Trả lại cho bị cáo Trần Văn C: 01 Giấy chứng minh nhân dân số 172836903 mang tên Trần Văn C, 01 Giấy phép lái xe số 740072011183 của Trần Văn C và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 36M8-0160 của Trần Văn C;

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Duy Ch: 01 Giấy chứng minh nhân dân số 173200318 mang tên Nguyễn Duy Ch;

Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo trình bày thống nhất với nội dung bản Cáo trạng số 133/QĐ-KSĐT ngày 11/9/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên và khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Bị cáo Trần Văn C khai: Mang theo 4.500.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) để đánh bạc, trong quá trình chơi C lấy ra số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) trong số tiền mang theo để đánh bạc đưa cho Nguyễn Duy Ch mượn để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, C đã nghỉ chơi và thua 400.000 đồng (*Bốn trăm nghìn đồng*), số tiền còn lại 2.100.000 đồng (*Hai triệu một trăm nghìn đồng*) C để trong người và bị thu giữ.

Bị cáo Nguyễn Duy Ch khai: Mang theo 220.000 đồng (*Hai trăm hai mươi nghìn đồng*) để đánh bạc, trong quá trình chơi Ch mượn của C 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) để đánh bạc và lấy 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) trong số tiền sử dụng để đánh bạc đưa cho Trịnh Văn T mượn để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, Ch thua 550.000 đồng (*Năm trăm năm mươi nghìn đồng*), số tiền còn lại 670.000 đồng (*Sáu trăm bảy mươi nghìn đồng*) Ch để trong người và bị thu giữ.

Bị cáo Trịnh Văn T khai: Mang theo 5.000 đồng (*Năm nghìn đồng*), trước khi tham gia T mượn Nguyễn Duy Ch số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) để đánh

bạc và quá trình chơi T tiếp tục mượn Ch 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, T thua 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*).

Bị cáo Trần Văn Th khai: Mang theo 170.000 đồng (*Một trăm bảy mươi nghìn đồng*) để đánh bạc, do thắng nên Th lấy ra số tiền 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) từ tiền thắng được cho Nguyễn Văn S mượn. Khi bị bắt quả tang, Th thắng 2.730.000 đồng (*Hai triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng*), Th để 400.000 đồng (*Bốn trăm nghìn đồng*) trong người và bị thu giữ.

Bị cáo Nguyễn Văn T1 khai: Mang theo 2.303.000 đồng (*Hai triệu ba trăm lẻ ba nghìn đồng*) và sử dụng 700.000 đồng (*Bảy trăm nghìn đồng*) để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, T1 thắng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*), T1 để 1.603.000 đồng (*Một triệu sáu trăm lẻ ba nghìn đồng*) trong người và bị thu giữ, số tiền này T1 không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Bị cáo Trịnh Huy T2 khai: Mang theo 390.000 đồng (*Ba trăm chín mươi nghìn đồng*) và sử dụng 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, T2 bị thua 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nên nghỉ chơi, số tiền còn lại 90.000 đồng (*Chín mươi nghìn đồng*) T2 để trong người và bị thu giữ.

Bị cáo Trịnh Văn T3 khai: Mang theo 1.540.000 đồng (*Một triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng*) và sử dụng 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, T3 bị thua 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) nên nghỉ chơi, số tiền còn lại 1.040.000 đồng (*Một triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng*) T3 để trong người và bị thu giữ.

Quá trình điều tra những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ông Nguyễn Văn S trình bày: Ông S mang theo 22.000 đồng (*Hai mươi hai nghìn đồng*) và sử dụng 20.000 đồng (*Hai mươi nghìn đồng*) để đánh bạc. Khi tham gia chơi thì chỉ có S, C và Th, ông S bị thua 20.000 đồng (*Hai mươi nghìn đồng*) nên ông S nghỉ không tham gia. Sau đó, ông S mượn 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) của Th để tiêu xài cá nhân. Khi bị bắt quả tang, ông S để số tiền 502.000 đồng (*Năm trăm lẻ hai nghìn đồng*) trong người và bị thu giữ.

- Ông Trang Phước T4 trình bày: Ông Trang Phước T4 có đứng tên chủ sở hữu đối với xe mô tô Cup 70 biển số 54Y1 – 0566 có số máy MH 108619 (đã thu giữ của Trần Văn Th). Tuy nhiên, ông T4 đã bán xe này cho một người không rõ nhân thân lai lịch nhưng không làm giấy mua bán xe. Do đã bán xe nên ông không có yêu cầu nào khác và không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người làm chứng bà Trịnh Thị Tr trình bày: Bà Tr là chủ quán cà phê “Thanh Tr” thuộc khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Ngày 16/4/2017 các bị cáo Trần Văn C, Nguyễn Duy Ch, Trịnh Văn T, Trần Văn Th, Nguyễn Văn T1, Trịnh Huy T2, Trịnh Văn T3, Nguyễn Văn S có đến quán của bà uống nước và xem bóng đá. Tuy nhiên, việc các bị cáo đánh bài như thế nào thì bà không biết, chỉ đến khi Công an vào bắt thì bà mới biết các bị cáo đã đánh bài. Số tiền thu giữ tại thời điểm bắt các bị cáo là 5.200.000 đồng (*Năm triệu hai trăm nghìn đồng*).

Trong lời nói sau cùng các bị cáo trình bày: Các bị cáo đã nhận thức được hành vi đánh bài được thua bằng tiền của các bị cáo là phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để tạo điều kiện cho các bị cáo vừa có thể lao động nuôi sống gia đình (vì các bị cáo là lao động chính) vừa cải tạo để trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn thị xã T, tỉnh Bình Dương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với các bị cáo là đúng thẩm quyền. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tình tiết định tội, định khung hình phạt:

Ngày 16/4/2017, tại quán cà phê “Thanh Tr” thuộc khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, Trần Văn C, Nguyễn Duy Ch, Trịnh Văn T, Trần Văn Th, Nguyễn Văn T1, Trịnh Huy T2 và Trịnh Văn T3 đã thực hiện hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức lắc bầu cua trong chương trình game trò chơi được cài đặt trên điện thoại di động Iphone 6 Plus của C, với tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 8.870.000 đồng (*Tám triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng*). Theo quy định tại Khoản 1 Điều 248 của Bộ Luật Hình sự thì “*Người nào đánh bạc dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 249 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm*”. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bài được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật hình sự. Tuy nhiên, vì muốn nhanh chóng có tiền mà không phải lao động và thái độ coi thường pháp luật nên cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo không có tổ chức mà chỉ là nhất thời phạm tội mang tính đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Trần Văn C là người đưa ra đề nghị đánh bài được thua bằng tiền, người làm cái và cũng là người chuẩn bị công cụ phạm tội, bị cáo Nguyễn Văn T1 là người làm cái, các bị cáo khác không phản đối mà cùng tham gia. Do đó, hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Cáo trạng số 133/QĐ-KSĐT ngày 08/6/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự cũng như quan điểm luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo được quy định tại Điểm h và p Khoản

1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Trịnh Văn T có bố là thương binh hạng hai; bị cáo Trịnh Văn T3 cũng có bố được tặng huân chương kháng chiến hạng hai nên các bị cáo T và T3 còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ quyết định hình phạt:

Xét thấy các bị cáo Nguyễn Duy Ch, Trịnh Văn T, Trần Văn Th, Trịnh Huy T2 và Trịnh Văn T3 phạm tội với vai trò thực hành tích cực. Tuy nhiên, số tiền các bị cáo tham gia đánh bài là không lớn, hành vi của các bị cáo là nhất thời phạm tội, trước khi phạm tội các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tại phiên toà thể hiện thái độ ăn năn hối cải. Hiện tại, các bị cáo đều có việc làm ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo nói trên cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội. Hội đồng xét xử thấy mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo nêu trên là tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội.

Đối với bị cáo Trần Văn C phạm tội với vai trò đề xuất, chuẩn bị công cụ phạm tội và thực hành tích cực; bị cáo Nguyễn Văn T1 giữ vai trò cầm cái. Vì vậy, bị cáo C và bị cáo T1 phải chịu hình phạt nặng hơn so với các bị cáo khác. Hội đồng xét xử thấy mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo Trần Văn C và Nguyễn Văn T1 là tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội. Tuy nhiên, bị cáo C và bị cáo T1 cũng có nhiều tình tiết giảm nhẹ như đã phân tích ở trên; hiện đều có công việc ổn định và là lao động chính trong gia đình. Đối với bị cáo Trần Văn C có ông nội được trao tặng huân huy chương hạng nhất. Đây không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng cũng thể hiện gia đình bị cáo có công với cách mạng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo Cao và bị cáo Tùng được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng Khoản 3 Điều 248 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bổ sung đối với các bị cáo Trần Văn C và Nguyễn Văn T1 một khoản tiền nhất định để sung quỹ Nhà nước nhằm tăng sức răn đe đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 41, Điều 42 Bộ luật Hình sự và Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Đối với số tiền số tiền 8.870.000 đồng (*Tám triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng*) và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu trắng, số IMEI 352 051 074 456 341 là công cụ phạm tội nên tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

- Đối với các vật chứng gồm: Số tiền 2.735.000 đồng; 01 điện thoại di động có ghi chữ iPhone S màu bạc, model A1688, không có số imei; 01 điện thoại di động hiệu SamSung J7 màu trắng, số IMEI 355228/08/375901/7; 01 điện thoại di động hiệu SamSung J7 màu trắng, số IMEI 355228/08/348951/6; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu xanh, số IMEI 351867/07/413275/1; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 172836903 mang tên Trần Văn C, 01 Giấy phép lái xe số 740072011183 của Trần Văn C và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 36M8-0160 của Trần Văn C; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 172837089 mang tên Trịnh Văn T; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 172297049 mang tên Trịnh Huy T2; 01 giấy chứng minh nhân dân không rõ số mang tên Nguyễn Văn T1, 01 giấy chứng minh nhân dân số 173204322 mang tên

Nguyễn Văn T1, 01 Giấy phép lái xe số 790148012635 của Nguyễn Văn T1 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe biên số 36B2-291.50 của Nguyễn Văn T1; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 173200318 mang tên Nguyễn Duy Ch và 01 điện thoại di động hiệu GIONEE L800 màu đen viền đỏ, không rõ số IMEI không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S.

[8] Về kiến nghị: Hội đồng xét xử thấy không có văn bản hành chính hoặc hành vi hành chính nào của cơ quan nhà nước vi phạm nên không kiến nghị.

Đối với các đối tượng cùng tham gia đánh bạc ngày 16/4/2017 được thua bằng tiền nhưng chưa xác định được nhân thân, kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật.

[9] Về việc xem xét việc áp dụng, thay đổi hoặc huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn: Xét thấy các bị cáo Nguyễn Duy Ch, Trịnh Văn T, Trần Văn Th, Trịnh Huy T2 và Trịnh Văn T3 được áp dụng hình phạt tiền nên không cần thiết tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Đối với các bị cáo Trần Văn C và Nguyễn Văn T1 được hưởng án treo nên phải chấp hành sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nên không cần thiết tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

[9] Về chi phí tố tụng: Theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Văn C, Nguyễn Duy Ch, Trịnh Văn T, Trần Văn Th, Nguyễn Văn T1, Trịnh Huy T2 và Trịnh Văn T3 phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

2.1. Đối với bị cáo Trần Văn C:

- Hình phạt chính: Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46, Điều 53 và Điều 60 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn C 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 12 (*mười hai*) tháng, tính từ ngày tuyên án 29/9/2017.

Giao bị cáo Trần Văn C cho Ủy ban nhân dân phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

- Hình phạt bổ sung: Áp dụng Khoản 3 Điều 248 Bộ luật Hình sự phạt bổ sung bị cáo Trần Văn C số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) để sung quỹ Nhà nước.

2.2. Đối với bị cáo Nguyễn Văn T1:

- Hình phạt chính: Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46, Điều 53 và Điều 60 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 03 (Ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 12 (*mười hai*) tháng, tính từ ngày tuyên án 29/9/2017.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T1 cho Ủy ban nhân dân phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

- Hình phạt bổ sung: Áp dụng Khoản 3 Điều 248 Bộ luật Hình sự phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn T1 số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) để sung quỹ Nhà nước.

2.3. Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt các bị cáo Nguyễn Duy Ch, Trần Văn Th và Trịnh Huy T2 mỗi bị cáo 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*).

2.4. Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt các bị cáo Trịnh Văn T và Trịnh Văn T3 mỗi bị cáo 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*).

3. Huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với các bị cáo Trần Văn C, Nguyễn Duy Ch, Trịnh Văn T, Trần Văn Th, Nguyễn Văn T1, Trịnh Huy T2 và Trịnh Văn T3.

4. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật Hình sự và Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên xử:

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền 8.870.000 đồng (*Tám triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng*) và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu trắng, số IMEI 352 051 074 456 341.

- Trả lại cho các bị cáo:

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T1: 01 giấy chứng minh nhân dân không rõ số mang tên Nguyễn Văn T1; 01 giấy chứng minh nhân dân số 173204322 mang tên Nguyễn Văn T1; 01 Giấy phép lái xe số 790148012635 của Nguyễn Văn T1; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 36B2-291.50 của Nguyễn Văn T1; 01 điện thoại di động có ghi chữ iPhone S màu bạc, model A1688, không có số imei và số tiền 1.603.000 đồng (*Một triệu sáu trăm lẻ ba nghìn đồng*).

+ Trả lại cho bị cáo Trịnh Văn T: 01 Giấy chứng minh nhân dân số 172837089 mang tên Trịnh Văn T; 01 điện thoại di động hiệu SamSung J7 màu trắng, số IMEI 355228/08/375901/7;

+ Trả lại cho bị cáo Trịnh Huy T2: 01 Giấy chứng minh nhân dân số 172297049 mang tên Trịnh Huy T2; 01 điện thoại di động hiệu SamSung J7 màu trắng, số IMEI 355228/08/348951/6 và số tiền 90.000 đồng (*Chín mươi nghìn đồng*).

+ Trả lại cho bị cáo Trịnh Văn T3 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu xanh, số IMEI 351867/07/413275/1 và số tiền 1.040.000 đồng (*Một triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng*).

+ Trả lại cho ông Nguyễn Văn S 01 điện thoại di động hiệu GIONEE L800 màu đen viền đỏ, không rõ số IMEI và số tiền 2.000 đồng (*Hai nghìn đồng*).

+ Trả lại cho bị cáo Trần Văn C: 01 Giấy chứng minh nhân dân số 172836903 mang tên Trần Văn C, 01 Giấy phép lái xe số 740072011183 của Trần Văn C và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 36M8-0160 của Trần Văn C;

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Duy Ch: 01 Giấy chứng minh nhân dân số 173200318 mang tên Nguyễn Duy Ch;

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/9/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã T).

5. Về chi phí tố tụng: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: Các bị cáo Trần Văn C, Nguyễn Duy Ch, Trịnh Văn T, Trần Văn Th, Nguyễn Văn T1, Trịnh Huy T2 và Trịnh Văn T3, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

6.1. Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6.2. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- PV27, Công an tỉnh Bình Dương (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01);
- Công an thị xã Tân Uyên (01);
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên (01);
- Người tham gia tố tụng (09);
- Lưu: HS, VT (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hiền